



VỀ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

- ThS. NGUYỄN BÍCH LIÊN
- ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Lịch sử phát triển Giáo dục thường xuyên (GDTX) trong thời gian qua cho thấy việc xây dựng các loại chương trình (CT) và biên soạn tài liệu, sách giáo khoa (SGK) riêng để phù hợp với nhu cầu, điều kiện của các loại đối tượng khác nhau, các vùng miền khác nhau trong cả nước đã được quan tâm và coi trọng. Bài viết này điểm lại việc xây dựng CT và biên soạn SGK bổ túc văn hoá (BTVH) qua các giai đoạn, từ đó nêu lên một vài suy nghĩ về xây dựng CT GDTX cấp trung học phổ thông (THPT).

1. Giai đoạn từ năm 1945 đến 1960

Đối tượng học BTVH chủ yếu ở giai đoạn này là cán bộ chủ chốt và thanh niên ưu tú/kế cận. Theo Nghị quyết về "Đẩy mạnh công tác giáo dục BTVH của Đảng" (6/1952), chương trình BTVH được xây dựng theo ba phương châm:

- Lí luận và thực tiễn thống nhất, học kết hợp với hành, học để mà dùng.

- Tranh thủ thời gian phục vụ kháng chiến, đồng thời chuẩn bị để có thể học lên cao.

- Dựa vào lực lượng nhân dân, dùng những phương pháp và tổ chức linh động, mềm dẻo, thích hợp với điều kiện cụ thể và nhu cầu thiết thực từng thời kì, từng địa phương, từng lớp người.

Vi vậy, chương trình BTVH giai đoạn này rất đa dạng, phong phú:

- Theo địa bàn, có chương trình BTVH tại chức cho xí nghiệp, cơ quan, nông thôn.

- Theo nhu cầu, khả năng, chương trình BTVH được biên soạn sát với chương trình phổ thông cải cách năm 1956 và phân thành 3 ban: Toán-Lí-Hoá; Toán-Hoá-Sinh và Văn-Sử-Địa. Mục tiêu của chương trình này là BTVH cho cán bộ trẻ và thanh niên công nông, chuẩn bị cho họ vào các trường đại học và trung học chuyên nghiệp.

Từ năm 1950, một số sách giáo khoa đã được biên soạn để thực hiện các chương trình BTVH nói trên.

2. Giai đoạn từ năm 1960 đến 1990

Đối tượng học BTVH mở rộng hơn, không chỉ cho cán bộ và thanh niên kế cận, mà còn cho mọi người có nhu cầu. Hình thức cũng đa dạng hơn, bao gồm: tại chức, tập trung, nửa tập trung và vừa học vừa làm.

Vào những năm 1961 - 1963, Bộ Giáo dục đưa ra chủ chương "Cần gì học nấy", đây là một quan điểm đúng đắn vì hoạt động chủ yếu của người lớn là hoạt động sản xuất, nghề nghiệp, nên muốn người học hứng thú học tập thì việc học văn hoá phải phù hợp với yêu cầu sản xuất, nghề nghiệp của họ. Theo chủ trương này, Trại biên soạn chương trình và sách giáo khoa BTVH (nay là Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục không chính quy - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam) đã xây dựng CT mẫu cấp 2 và cấp 3 theo hướng các kiến thức phổ thông cơ bản được chọn lọc, đồng thời xếp từ thấp đến cao theo kiểu đường thẳng, không có sự lặp lại và mở rộng theo kiểu đồng tâm. Bên cạnh đó, Trại cũng đã biên soạn được một số SGK mẫu của các bộ môn theo CT đường thẳng.

Sau này, Chỉ thị số 114-CP ngày 29/9/1966 đã xác định một cách đầy đủ hơn về nội dung dạy-học BTVH như sau: "Nội dung học tập phải tinh giản và thiết thực, phải kết hợp chặt chẽ việc học văn hoá với kĩ thuật và chính trị, vừa bảo đảm kiến thức khoa học cơ bản cần thiết, vừa gắn liền với thực tiễn sản xuất, chiến đấu và đời sống". Chỉ thị 110/CP ngày 13/7/1968 của Hội đồng Chính phủ đã bổ sung thêm: "Nội dung BTVH phải phù hợp với từng loại đối tượng, người đứng tuổi chỉ cần học những kiến thức cần thiết trực tiếp cho công tác sản xuất, thanh niên học tương đối toàn diện hơn". Theo các chỉ thị này, Trại biên soạn chương trình và sách giáo khoa BTVH đã xây dựng một hệ thống CT BTVH mới sát với từng loại đối tượng, không rập khuôn theo CT phổ thông. Hệ thống CT trên bao gồm:

(1) Bậc tiểu học, có 4 loại CT: CT dùng chung cho các loại đối tượng; CT dùng riêng cho cán bộ và thanh niên; CT cho cán bộ xã, ấp ở miền Nam; CT cho người dân tộc.

(2) Bậc trung học cơ sở (THCS): CT rất đa dạng, có 5 loại CT cho 5 loại Trường BTVH. Mỗi loại trường lại có CT riêng cho thanh niên và CT riêng cho cán bộ lớn tuổi nhằm phù hợp với nhu cầu, điều kiện khả năng của từng nhóm đối tượng. Đối với mỗi CT, số lượng và thời lượng môn học cũng khác nhau. Ví dụ, đối với vùng nông thôn, học viên phải học môn Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp (xem bảng dưới đây):

Các loại CT	Tổng số tiết	Số môn học
1. CT cho các trường BTVH cơ quan, xí nghiệp, công trường	862	7 môn: Ngữ văn, Toán, Lí, Hoá, Sử, Địa, Cơ thể người
2. CT cho các trường BTVH tại chức và nửa tập trung ở nông thôn, lâm trường, nông trường. - CT cho cán bộ và người lao động nhiều tuổi. - CT cho cán bộ trẻ và thanh niên	886 1001	7 môn: Ngữ văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp.
3. CT cho các trường, lớp BTVH vừa học, vừa làm ở xã.	1261	10 môn: Ngữ văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh, Sử, Địa, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp, Chính trị.
4. CT cho các trường BTVH cán bộ học tập trung - Ở các tỉnh, thành phố phía Bắc - Ở các tỉnh thành phố phía Nam	1153 1273	8 môn: Ngữ văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh, Sử, Địa, Kỹ thuật nông nghiệp, 10 môn: Ngữ văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh, Sử, Địa, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp, Chính trị.
5. CT cho các trường BTVH thanh niên học tập trung	1503	10 môn: Ngữ văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh, Sử, Địa, Kỹ thuật nông nghiệp, Quản lí kinh tế nông nghiệp, Chính trị.

(3) Bậc THPT, có 2 loại CT: CT dành cho cán bộ trẻ và thanh niên có nhu cầu thi vào đại học, cao đẳng; CT dành cho cán bộ quản lí nhiều tuổi, không có nhu cầu học lên đại học, cao đẳng.

Mỗi CT trên lại có nhiều CT khác nhau. Ví dụ, CT dành cho cán bộ trẻ và thanh niên có 3 loại CT. Thanh niên thành phố, ở cơ quan, xí nghiệp chỉ phải học 4 môn Văn, Toán, Lí, Hoá. Còn đối với thanh niên nông thôn, phải học thêm môn Sinh và Kỹ thuật nông nghiệp. Đối với các lớp BTVH tập trung ngắn hạn, số môn học sẽ là 7 môn (xem bảng dưới đây):

CT bồi dưỡng dành cho cán bộ lãnh đạo quản lí nhiều tuổi cũng có 7 môn (Tiếng Việt và Văn học, Toán, Lí, Hoá, Sinh, Sử, Địa) nhưng thời gian học ngắn hơn (chỉ khoảng 2/3 thời gian - với tổng số tiết là 851). Đối với cán bộ lớn tuổi, không học theo lớp, mà học dứt điểm theo từng bộ môn hoặc nhóm bộ môn. Họ có thể học 4 môn Toán, Lí, Hoá, Sinh trước, sau đó lại học tiếp tục 3 môn Văn, Sử, Địa.

Trong giai đoạn này, Trại biên soạn CT và SGK BTVH đã biên soạn được các bộ SGK BTVH ứng với các loại CT BTVH mà Trại đã xây

dựng. Ngoài ra, Trại còn biên soạn một số sách tham khảo như sách hướng dẫn giảng dạy, sách bài tập và tuyển tập các đề thi BTVH,...

Bộ CT và SGK kể trên là bộ CT và SGK đầy đủ, đồng bộ đầu tiên của Nhà nước Việt Nam dành cho ngành học BTVH, tạo điều kiện cho giáo viên và học viên sử dụng trong giảng dạy và học tập.

3. Giai đoạn từ năm 1990 đến năm 2000

Từ năm 1990, Bộ GD&ĐT chủ trương dùng chung SGK với THPT chính quy, nhưng vẫn xây dựng CT riêng cho BTVH. Ngoài ra, khác với các giai đoạn trước, chỉ có một CT chung cho cả nước, cho các nhóm đối tượng.

Chương trình Bổ túc THPT 1992 ban hành theo Quyết định số 3322/TC-BT ngày 6/6/2002 chỉ có 5 môn bắt buộc là Văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh với thời lượng là 1.344 tiết so với 2.508 tiết của toàn bộ chương trình THPT. Tuy nhiên, chương trình này quá ít môn học, lại quá lệch về các môn khoa học tự nhiên (4/5 môn) và thời lượng không bảo đảm. Vì vậy, đến năm 1997, để nâng cao chất lượng của Bổ túc THPT, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã ban hành chương trình Bổ túc

Các loại chương trình	Tổng số tiết	Số môn học
1. CT cho thanh niên ở các cơ quan, xí nghiệp	1080	4 môn: Toán, Lí, Hoá, Văn
2. CT cho thanh niên nông thôn	1170	5 Môn: Toán, Lí Hoá, Văn, Sinh học và Kỹ thuật nông nghiệp.
3. Các lớp BTHPT tập trung ngắn hạn	1296	7 môn: Toán, Lí, Hoá, Văn, Sử, Địa, Sinh.

THPT theo quyết định số 3004/GĐĐT (ngày 25/9/1997). Chương trình gồm 7 môn bắt buộc: Văn, Toán, Lí, Hoá, Sinh, Sử, Địa và 2 môn khuyến khích là Giáo dục công dân và Tiếng Anh. So với chương trình THPT, Chương trình Bổ túc THPT không học 2 môn là Công nghệ, Thể dục. Thời lượng các môn học bắt buộc của Bổ túc THPT nhìn chung bảo đảm, gần bằng các môn học tương ứng của THPT (từ 80% trở lên, thậm chí có môn 97% như môn Văn). Với chương trình này, học viên Bổ túc THPT có thể thi vào cao đẳng, đại học.

4. Giai đoạn từ năm 2000 đến nay

Từ năm 2000, thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH ngày 9/11/2000 về việc đổi mới CT và SGK, các CT của GDTX cũng tiến hành đổi mới. Cũng giống như giai đoạn 1990 - 2000, giai đoạn này chỉ có một CT chung cho cả nước, cho các nhóm đối tượng.

Năm 2002, CT Bổ túc THCS được ban hành theo Quyết định số 48/2002/QĐ-BGD&ĐT, ngày 27/11/2002 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT theo hướng dùng chung sách giáo khoa mới với THCS chính quy. Chương trình gồm 10 môn học, trong đó có: 7 môn học bắt buộc là: Toán, Vật Lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí và 3 môn học khuyến khích là: Giáo dục công dân, Tiếng Anh, Công nghệ.

Năm 2006, CT GDTX cấp THPT (hay còn gọi là CT Bổ túc THPT) được ban hành theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGD&ĐT, ngày 7/11/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT theo hướng dựa trên chương trình chuẩn của THPT và dùng chung SGK mới với THPT chính quy. Chương trình gồm 10 môn học, trong đó có 7 môn học bắt buộc là: Toán, Vật Lí, Hoá học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; 3 môn học khuyến khích là: Giáo dục công dân, Tiếng Anh, Tin học.

Tóm lại, điểm qua việc xây dựng CT và biên soạn SGK BTVH qua các giai đoạn có thể thấy rằng, từ năm 1945 đến năm 1990, để phù hợp với nhu cầu và điều kiện học tập khác biệt của đối tượng người học, Nhà nước đã có chủ trương xây dựng CT và biên soạn SGK riêng cho BTVH. Thậm chí, BTVH không chỉ có một CT mà còn có nhiều CT cho các nhóm đối tượng khác nhau, các loại hình học tập khác nhau. Tuy nhiên, từ năm 1992 và đặc biệt từ năm 2006 (cùng với việc triển khai đại trà CT THPT mới theo Nghị quyết số 40/2000/QH ngày 9/12/2000 của Quốc hội), GDTX chỉ có một CT GDTX cấp THPT. CT

GDTX cấp THPT được ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 7/11/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT xây dựng dựa trên CT chuẩn THPT và được triển khai đại trà từ năm học 2006 - 2007. Tuy nhiên, đối tượng GDTX đa dạng về độ tuổi, nhu cầu và điều kiện học tập, ..., CT GDTX cấp THPT tỏ ra không phù hợp với tất cả các nhóm đối tượng học viên, đặc biệt đối với những người chỉ cần đạt trình độ giáo dục phổ cập và những người lớn tuổi không có nhu cầu học lên đại học, cao đẳng.

Để phù hợp với xu thế của thế giới và khu vực, và xuất phát từ người học, vì người học, CT GDTX cấp THPT trong thời gian tới cần đa dạng hơn cho phù hợp với nhu cầu và điều kiện của ít nhất hai nhóm đối tượng khác nhau:

- Đối với những người chỉ cần đạt trình độ giáo dục phổ cập và những người lớn tuổi không có nhu cầu học lên đại học, cao đẳng cần biên soạn CT, SGK và tài liệu riêng (ngắn gọn, cơ bản, tinh giản và thiết thực) phù hợp với nhu cầu và điều kiện của người vừa học vừa làm với thời gian học ngắn hơn và sẽ tổ chức thi riêng và cấp chứng chỉ riêng.

- Đối với những người có nhu cầu về văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, có nhu cầu học lên đại học, cao đẳng cần học theo CT, SGK và tài liệu của giáo dục chính quy, phải đảm bảo chuẩn và đảm bảo thời lượng của CT giáo dục chính quy. Cần tạo điều kiện thuận lợi cho người học về hình thức, về địa điểm và thời gian học (thời gian học có thể kéo dài hơn). Học viên học chương trình này sẽ phải tham dự một kì thi chung với giáo dục chính quy. Nếu đạt yêu cầu thì sẽ được cấp bằng tốt nghiệp của giáo dục chính quy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Bá Trượng - Thái Xuân Đào - Vũ Đình Ruyệt - Nghiêm Xuân Lượng, "Giáo dục thường xuyên - Thực trạng và Định hướng phát triển ở Việt Nam". NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
2. Thái Xuân Đào, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ "Định hướng phát triển giáo dục không chính quy trong giai đoạn mới". Mã số B2005-80-27.

SUMMARY

The past history of continuing education shows that the preparation of various curricula, materials and textbooks suited to the needs, conditions of different target groups, different geographical locations have been paid attention to. This article briefs the process of curriculum design for upper secondary level continuing education through phases from 19945 up to date.